

Cơ sở lý luận về việc xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam theo các cam kết quốc tế trong Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

Phạm Quang Minh*

*Vụ Kế hoạch - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 19 tháng 02 năm 2012

Tóm tắt. Kể từ năm 2007, sau khi đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực thực hiện các cam kết của mình về thương mại nói chung và nông nghiệp nói riêng. Đối với các chính sách nông nghiệp, Việt Nam đã ban hành một số văn bản pháp lý khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy nhiên, đối mặt với xu hướng quốc tế về bảo hộ nông nghiệp trong đàm phán hiện tại của WTO, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống pháp luật trợ cấp cho ngành nông nghiệp nhằm bảo vệ người nông dân cũng như doanh nghiệp nông nghiệp nhằm cạnh tranh bình đẳng với các thành viên WTO. Bài viết này cung cấp một số thông tin và đề xuất cơ sở pháp lý nhằm xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp theo các quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

1. Phần mở đầu

Kể từ năm 2007, sau khi trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Việt Nam đã nỗ lực thực hiện các cam kết của mình về thương mại nhằm tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Thời gian vừa qua, Việt Nam đã ban hành rất nhiều quy định khác nhau trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, xã hội, nông nghiệp... nhằm đáp ứng được các cam kết của Việt Nam cũng như xây dựng cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các quy định của WTO. Nông nghiệp là một trong các ngành bị tác động nhiều của quá trình thực thi các cam kết quốc tế, đặc biệt là việc thực hiện các cam kết về trợ cấp nông nghiệp theo Hiệp định nông nghiệp

(AoA) của WTO. Trong quá trình thực hiện các cam kết, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp lý tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trước xu hướng bảo vệ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của các quốc gia trên thế giới, bài viết này đưa ra một số ý tưởng đề xuất xây dựng cơ sở pháp lý cho việc xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam, với các nội dung phù hợp với các quy định liên quan của WTO, mà cụ thể là Hiệp định nông nghiệp, Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng cũng như các cam kết của Việt Nam khi gia nhập tổ chức thương mại lớn nhất hành tinh này.

2. Tính cấp thiết của việc xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam

Như đã biết, trợ cấp nông nghiệp là một vấn đề tương đối phức tạp và việc áp dụng các

*ĐT: 84-4-38461035.

E-mail: minhphamquang@yahoo.com

chính sách về trợ cấp nông nghiệp luôn là vấn đề gây tranh cãi trong các quốc gia thành viên WTO. Tuy nhiên, có thể dễ dàng nhận thấy các quy định về trợ cấp nông nghiệp được cả các quốc gia phát triển lẫn quốc gia đang phát triển áp dụng thường xuyên với mục đích hỗ trợ các hoạt động sản xuất nông nghiệp và đảm bảo năng lực sản xuất, cạnh tranh của các chủ thể liên quan trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Hiệp định nông nghiệp (AoA) của WTO cũng quy định cụ thể về các loại chính sách pháp luật hỗ trợ, trợ cấp nông nghiệp và hướng việc ban hành chính sách pháp luật về trợ cấp nông nghiệp của các quốc gia theo hướng minh bạch và phù hợp với kinh tế thế giới [1].

Tại Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã ban hành nhiều quy định về hỗ trợ, trợ cấp nông nghiệp (nói một cách khái quát hơn là các quy định về bảo hộ nông nghiệp), nhưng các chính sách pháp luật được ban hành dường như chưa có một định hướng rõ ràng theo một khung pháp lý về trợ cấp nông nghiệp. Vì vậy, khả năng các chính sách pháp luật được ban hành không phù hợp với các quy định liên quan của Tổ chức thương mại thế giới là rất lớn và sẽ có thể là đối tượng để các thành viên WTO khiếu nại, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nông dân, hoạt động thương mại các doanh nghiệp nông nghiệp cũng như uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Để giải quyết các vấn đề này, tác giả bài viết đề xuất việc xây dựng cơ sở lý luận xây dựng một khung pháp lý về trợ cấp nông nghiệp, sau đó là xây dựng một khung luật về trợ cấp nông nghiệp nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý có thể xảy ra khi xây dựng chính sách pháp luật về trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam trong quá trình thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Mục đích chính của luật này nhằm xây dựng một khung pháp lý nhằm:

(i) Chính thức thông báo cho Tổ chức thương mại thế giới (WTO) về các chính sách, đối tượng, cơ chế về trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam, phù hợp với các quy định của WTO cũng như các cam kết của Việt Nam đối với hội nhập ngành nông nghiệp;

(ii) Đối với các cơ quan chức năng trong nước: Khi Luật này được áp dụng vào thực tế, các cơ quan như: Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, Ủy Ban Nhân dân các cấp... sẽ có căn cứ pháp lý để ban hành chính sách pháp luật hỗ trợ nông nghiệp không trái với các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ tổ chức thương mại thế giới (WTO).

3. Vấn đề về xây dựng đạo luật chuyên biệt về trợ cấp nông nghiệp ở Việt Nam

Cơ chế vận hành các hoạt động về xây dựng chính sách pháp luật về nông nghiệp cũng như các chính sách pháp luật về trợ cấp, hỗ trợ nông nghiệp cần phải được điều chỉnh với tư cách độc lập và có mối liên hệ chặt chẽ với tổng thể với các quan hệ pháp lý về pháp luật nói chung, đặc biệt là các chính sách có liên quan đến các vấn đề phát triển kinh tế xã hội đã được Đảng và Nhà nước quy định trong các Nghị quyết phát triển kinh tế-xã hội. Theo đó, hệ thống các văn bản pháp luật về cơ chế vận hành các hoạt động về trợ cấp nông nghiệp cần được xây dựng theo hướng:

Thứ nhất: Hoạt động xây dựng pháp luật Việt Nam về trợ cấp nông nghiệp cần tuân theo các quan điểm chỉ đạo chung của Nhà nước trong “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2010-2020” và “Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2010-2020 và tầm nhìn đến năm 2030”. Theo đó, khung pháp luật cơ bản của Việt Nam về hỗ trợ nông nghiệp cơ bản được hình thành phải đáp ứng kịp thời các nhu cầu của thực tế, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam cam kết, tập trung khuyến khích, thúc đẩy tạo cơ chế pháp lý phù hợp cho các hoạt động về trợ cấp nông nghiệp và phù hợp với sự phát triển của Việt Nam.

Thứ hai: Việc xây dựng khung pháp luật Việt Nam về trợ cấp phải tuân thủ các nguyên tắc về xây dựng pháp luật nói chung và các quy định của WTO nói riêng.

Thứ ba: Quy định các nguyên tắc thống nhất để bảo vệ ngành nông nghiệp của Việt

Nam và lợi ích của người nông dân Việt Nam trong quá trình hội nhập sâu rộng, tăng cường bảo vệ ngành hàng nông nghiệp chủ yếu, nâng cao sức cạnh tranh của toàn ngành, tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước, của toàn dân đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp, khuyến khích sự phát triển và hợp tác quốc tế trong ngành nông nghiệp, giữ gìn ổn định và phát triển đối với các lĩnh vực đời sống xã hội liên quan.

Thứ tư: Ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật trợ cấp nông nghiệp để hướng dẫn thi hành những quy định liên quan đến trợ cấp nông nghiệp và cơ chế vận hành trong Luật trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam, theo đó cần có một số văn bản pháp luật gồm:

- Nghị định quy định chức năng, quyền hạn của Quỹ hỗ trợ nông nghiệp và Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp. Chức năng và quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính... trong việc phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách trợ cấp và chế độ tài chính cho các hoạt động trợ cấp nông nghiệp;

- Thông tư hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký và nhận các khoản trợ cấp nông nghiệp;

- Thông tư hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực trợ cấp nông nghiệp;

- Thông tư hướng dẫn về các quy định trợ cấp theo Hiệp định nông nghiệp;

- Các Nghị định, thông tư đặc thù khác.

Hiện tại chưa có một văn bản pháp lý cụ thể điều chỉnh về các hoạt động trợ cấp và bảo hộ nông nghiệp, do đó cần phải xây dựng một luật cụ thể về vấn đề này và trên cơ sở đó xác định rõ các vấn đề về trợ cấp nông nghiệp.

4. Định hướng một số vấn đề cơ bản về xây dựng luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam

4.1. Vị trí, vai trò của luật trợ cấp nông nghiệp

Luật về trợ cấp nông nghiệp trong hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam cần phải bảo đảm tính độc lập tương đối của Luật trợ cấp nông nghiệp trong hệ thống các quy định về ngành nông nghiệp Việt Nam, có vai trò điều chỉnh việc

ban hành các chính sách pháp luật về trợ cấp nông nghiệp, cơ chế tài chính, thủ tục tiếp nhận trợ cấp, các hình thức trợ cấp nông nghiệp...

4.2. Về đối tượng điều chỉnh

Luật trợ cấp nông nghiệp điều chỉnh các quan hệ xã hội và quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam, gồm:

- Hoạt động xây dựng chính sách trợ cấp nông nghiệp của các cơ quan chức năng (Chính phủ, các Bộ, ngành, UBND...);

- Hoạt động xây dựng ngân sách trợ cấp nông nghiệp của cơ quan chức năng;

- Nông dân, hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia sản xuất nông nghiệp;

- Các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

4.3. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Luật trợ cấp nông nghiệp không chỉ bao trùm lên các hoạt động của các chủ thể tham gia vào sản xuất nông nghiệp mà còn đặt nền móng cho việc xây dựng một cơ chế liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp. Như đã biết, hiện tại chưa có một cơ chế chính thức nào cho việc áp dụng bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam và cơ chế bảo hiểm nông nghiệp cũng mang tính thí điểm trong giai đoạn này, cụ thể ngày 01 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013, theo đó mục đích là thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

5. Nguyên tắc chỉ đạo cho luật chuyên biệt về hoạt động trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng luật chuyên biệt về hoạt động trợ cấp nông nghiệp

của các quốc gia, cũng như xem xét việc nội luật hóa (chuyên hóa) các nguyên tắc cơ bản của Hiệp định nông nghiệp cũng như các quy định quốc tế liên quan khác, trên cơ sở hướng tới việc xây dựng một hệ thống chính sách pháp luật trợ cấp nông nghiệp ổn định và bền vững, ổn định đời sống nhân dân trong bối cảnh thực hiện các cam kết của WTO, Việt Nam cần cần nhắc xây dựng một luật chuyên biệt về hoạt động trợ cấp nông nghiệp theo một số nguyên tắc chung sau đây:

- Đảm bảo nguyên tắc minh bạch và có tính dự đoán trước theo các nguyên tắc của Hiệp định nông nghiệp, Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng cũng như các quy định quốc tế liên quan khác;

- Thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, bảo vệ tối đa lợi ích của của quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế;

- Cụ thể hóa các chính sách trợ cấp được phép quy định trong Hiệp định nông nghiệp vào luật này;

- Tạo cơ chế pháp lý trợ cấp phù hợp nhất để khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động sản xuất nông nghiệp gắn liền với thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa.

5.1. Về mối tương quan giữa Luật trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam với các văn bản có liên quan đến trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp của Việt Nam

Xét về vị trí của các quy định pháp luật điều chỉnh vấn đề về trợ cấp nông nghiệp trong hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành, trên thế giới có các quan điểm sau đây:

Thứ nhất: Xu hướng xếp pháp luật trợ cấp nông nghiệp, pháp luật bảo hiểm nông nghiệp, pháp luật về hỗ trợ trang trại... là những văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành Luật nông nghiệp.

Thứ hai: Tách biệt luật trợ cấp nông nghiệp khỏi các ngành luật bảo hiểm nông nghiệp, luật nông nghiệp, coi ngành luật trợ cấp nông nghiệp là một phân ngành luật độc lập hỗ trợ cho các ngành luật liên quan.

Tương ứng với từng quan điểm nêu trên thì phạm vi điều chỉnh, nội dung của các quy phạm pháp luật về Luật trợ cấp nông nghiệp cũng có sự khác biệt. Vì vậy, khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam cũng cần xem xét lựa chọn một quan điểm nhất định về phạm vi của hoạt động trợ cấp trong phát triển nông nghiệp. Đặc biệt cần đi sâu nghiên cứu giải đáp một số vấn đề sau:

- Trợ cấp nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, chỉ cho các hoạt động nông nghiệp thường xuyên có nằm trong hệ thống các văn bản pháp luật thuộc ngành Luật nông nghiệp hay không?

- Luật trợ cấp nông nghiệp có phải là đạo luật chuyên biệt về các hoạt động trợ cấp và hỗ trợ phát triển nông nghiệp không?

- Luật trợ cấp nông nghiệp có vị trí tương quan như thế nào đối với các quy định về bảo hiểm nông nghiệp, đầu tư trong nông nghiệp, chỉ tiêu ngân sách...

Hiện nay, ở Việt Nam hoạt động trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp được quy định trong nhiều văn bản khác nhau như bảo hiểm nông nghiệp, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, chính sách khuyến nông, an ninh lương thực, tín dụng ưu đãi... Đặc điểm chung của những quy định này đều nhằm hỗ trợ các hoạt động nông nghiệp nhằm hạn chế rủi ro thiệt hại cho nông dân, tổ chức sản xuất nông nghiệp và tổ chức kinh doanh nông sản. Vì vậy, hệ thống các văn bản và quy phạm pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực có liên quan như vậy cũng có các mối quan hệ nhất định. Xét ở khía cạnh khoa học pháp lý và thực tiễn pháp luật Việt Nam, những quy định liên quan đến hỗ trợ và trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam, gồm một số văn bản sau: Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/1/2010 về Khuyến nông; Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/1/2009 về ưu đãi hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông

ng nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23/12/2009 về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia...

Xét vị trí các văn bản pháp luật này, có thể nhóm chúng thành một nhóm về bảo hộ nông nghiệp, mỗi văn bản này đều điều chỉnh các khía cạnh cụ thể về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp như:

Nghị định số 02/2010/NĐ-CP: Một số hoạt động hỗ trợ chủ yếu như: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu và 100% chi phí đi lại, ăn ở khi tham dự đào tạo; Nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu và 50% đi lại, ăn ở khi tham dự đào tạo; Doanh nghiệp vừa và nhỏ được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu khi tham dự; Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí về tài liệu và nơi ở, khi tham dự đào tạo; Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương được hỗ trợ 100% chi phí về tài liệu, đi lại, ăn và nơi ở khi tham dự đào tạo; Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu và 100% chi phí đi lại, ăn ở khi tham dự đào tạo; Nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu và 50% đi lại, ăn ở khi tham dự đào tạo; Doanh nghiệp vừa và nhỏ được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu khi tham dự đào tạo; Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí về tài liệu và nơi ở, khi tham dự đào tạo...

Nghị định số 41/2010/NĐ-CP: Một số hoạt động hỗ trợ chủ yếu gồm: đối tượng khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, hộ sản xuất kinh doanh ở nông thôn, các hợp tác xã, chủ trang trại, tổ chức tín dụng được xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo các mức như sau: Tối đa đến 50 triệu đồng đối với đối tượng là các cá nhân, hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; Tối đa đến 200 triệu đồng đối với các hộ kinh doanh, sản xuất ngành nghề hoặc làm dịch vụ

phục vụ nông nghiệp, nông thôn; Tối đa đến 500 triệu đồng đối với đối tượng là các hợp tác xã, chủ trang trại. Trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, khi có thông báo của cấp có thẩm quyền (như Ủy ban Nhân dân tỉnh, Bộ Y tế hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), ngoài việc xem xét cơ cấu lại thời hạn nợ cho khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này, Chính phủ có chính sách hỗ trợ cụ thể đối với tổ chức, cá nhân vay vốn bị thiệt hại nặng, không có khả năng trả nợ. Tổ chức tín dụng cho vay được thực hiện khoanh nợ không tính lãi cho người vay đối với dư nợ hiện còn tại thời điểm xảy ra thiên tai, dịch bệnh được công bố tại địa phương. Thời gian khoanh nợ tối đa là 2 năm và số lãi tổ chức tín dụng đã khoanh cho khách hàng được giảm trừ vào lợi nhuận trước thuế của tổ chức tín dụng....

Tuy nhiên trên thực tế các quy định về hỗ trợ nông nghiệp hiện hành không quy định cụ thể các vấn đề như: cơ chế trợ cấp nông nghiệp, cơ chế vận hành, cơ quan đầu mối đứng ra chịu trách nhiệm về các hoạt động trợ cấp và hỗ trợ, nguồn ngân sách... Vì vậy, Luật trợ cấp nông nghiệp đề xuất theo quan điểm của tác giả sẽ đóng vai trò như một đạo luật riêng biệt quy định những vấn đề chung và cơ bản nhất điều chỉnh mọi hoạt động trợ cấp nông nghiệp tại Việt Nam.

Trong mối quan hệ với các văn bản pháp luật khác trong nhóm các văn bản về hỗ trợ nông nghiệp, Luật trợ cấp nông nghiệp đóng vị trí trung tâm, chứa đựng những quy định chung, cơ bản nhất, mang tính nguyên tắc cho tất cả các hoạt động trợ cấp nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với các văn bản pháp luật có liên quan ví dụ như:

Về cơ bản, các nguyên tắc trong quản lý, sử dụng các chính sách trợ cấp nông nghiệp nào được xây dựng không được trái với các nguyên tắc trợ cấp được quy định trong Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam.

Nguyên tắc về quản lý, sử dụng ngân sách trợ cấp, thông báo trợ cấp... phải phù hợp với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành liên quan.

5.2. *Mối quan hệ của Luật trợ cấp nông nghiệp đối với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam*

Thứ nhất: Mối quan hệ giữa Luật trợ cấp nông nghiệp với Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 1992.

Hiến pháp gồm tổng thể các quy phạm pháp luật, điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản. Hiến pháp là đạo luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam bởi nó điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản nhất và tất cả các luật khác phải được hình thành trên cơ sở của Hiến pháp.

Trong trường hợp này, Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam không phải là ngoại lệ, tức là Luật này phải được xây dựng trên cơ sở của Hiến pháp và không trái với các nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp. Ví dụ như các quy tắc về xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện, mục đích chính sách kinh tế của Nhà nước là làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước dưới nhiều hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và giao lưu với thị trường thế giới. Đồng thời, mục tiêu chủ yếu của việc xây dựng pháp luật về trợ cấp cũng là nhằm tạo cơ chế pháp lý phù hợp để khuyến khích sự phát triển của ngành nông nghiệp nói riêng và kinh tế xã hội nói chung. Vì vậy, có thể nói Luật trợ cấp nông nghiệp được xây dựng dựa trên nền tảng là các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp và không trái với Hiến pháp 1992.

Thứ hai: Mối quan hệ giữa Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam với các luật khác như môi trường, thương mại, cạnh tranh, pháp lệnh phòng chống trợ cấp...

Các văn bản pháp luật trên có đối tượng và phạm vi điều chỉnh khác nhau, việc xây dựng và thực hiện Luật trợ cấp nông nghiệp nhằm bổ

sung cho các luật chuyên ngành và đối tượng tác động là người nông dân và những bên tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp. Các quy định về trợ cấp nông nghiệp đối với các vấn đề về môi trường của Luật trợ cấp nông nghiệp sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong Luật môi trường; Các quy định trong Luật trợ cấp nông nghiệp sẽ hỗ trợ, bổ sung cho việc thực hiện các quy định tại pháp lệnh phòng chống trợ cấp, hỗ trợ tăng cường việc thực thi các quy định về cạnh tranh được quy định trong luật cạnh tranh...

Thứ ba: Mối quan hệ giữa Luật trợ cấp nông nghiệp với các quy định chuyên ngành nông nghiệp như các quy định về khuyến nông, an ninh lương thực, tín dụng trong nông nghiệp, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Luật trợ cấp nông nghiệp có vai trò bổ sung cho các chính sách này, bên cạnh đó Luật trợ cấp nông nghiệp đưa ra định hướng chung với các quy định về hỗ trợ được nêu tại các văn bản trên. Một mặt đảm bảo các quy định hỗ trợ, trợ cấp trong nông nghiệp ban hành tại các văn bản dưới luật này phù hợp với các quy định của WTO, mặt khác hướng dẫn cho các cơ quan thực hiện ban hành các chính sách pháp luật trợ cấp phù hợp với thực tiễn và các cam kết của Việt Nam trong thời gian tới.

6. Vai trò của Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam

a. Đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam

Luật trợ cấp nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam như:

- Tạo hành lang pháp lý cho hoạt động xây dựng chính sách trợ cấp nông nghiệp;
- Khuyến khích, thúc đẩy và giải phóng mọi năng lực sản xuất nông nghiệp;
- Định hướng cho các hoạt động trợ cấp nông nghiệp Việt Nam phát triển theo đúng các

quy định đã cam kết tại Hiệp định nông nghiệp cũng như hệ thống luật quốc gia;

- Tạo môi trường sản xuất và kinh doanh ổn định về sản xuất nông nghiệp.

b. Đối với sự phát triển kinh tế-xã hội

Luật về trợ cấp nông nghiệp sẽ có những tác dụng nhất định tới sự phát triển kinh tế-xã hội nước ta, cụ thể như:

- Làm tăng cơ hội cho các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực sản xuất và chế biến các mặt hàng nông lâm sản, từ đó mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư và toàn xã hội.

- Tạo điều kiện thúc đẩy việc ứng dụng thành tựu khoa học nông nghiệp vào đời sống. Các ứng dụng của khoa học kỹ thuật nông nghiệp phục vụ cho rất nhiều tiểu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng ngành.

- Tạo ra sự bình đẳng trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Trên đây là một số nội dung tác giả muốn đề cập nhằm gợi mở một số lý luận về việc nghiên cứu xây dựng một cơ chế chính sách pháp luật trợ cấp và bảo hộ ngành nông nghiệp của Việt Nam. Do xu hướng trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp trên thế giới đang trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết, chính phủ các nước thành viên cũng không ngừng tăng các khoản trợ cấp cho nông dân nhằm bảo hộ ngành sản xuất nông nghiệp cũng như lợi ích của hàng triệu nông dân, trợ cấp nông nghiệp luôn là đối tượng để các quốc gia thành viên trong WTO hướng đến, tìm cách xây dựng những chính sách trợ cấp pháp lý vừa phù hợp với cam kết, vừa bảo hộ được ngành sản xuất nông nghiệp của nước mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Thế Liên, *Hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006.

Legal basic for the formulation of Vietnam's subsidy Law for agriculture under international commitments within the world trade Organization (WTO)

Pham Quang Minh

*Department of Planning, Ministry of Agriculture and Rural Development, Vietnam,
No 2, Ngoc Ha, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam*

Since 2007, after being a member of the World Trade Organization (WTO), Vietnam has made many efforts to implement its commitments in term of trade in general and agriculture in particular. For agricultural policies, Vietnam has promulgated various legal documents to create favorable conditions for agricultural and rural development. However, facing an international tendency to protect agricultural sector in the current WTO negotiations Vietnam needs to have a firm legal system of supporting/ subsidy policies for agricultural sector to protect its farmer and agricultural trader so as to fairly compete with WTO members. This article provides some information and proposals for a legal basic to formulate Vietnam's subsidies law in agriculture under WTO regulations.